

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND
(VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF)

Tháng Năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	13
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	13
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ.....	13
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	13
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	13
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô chứng chỉ quỹ chào bán lần đầu.....	13
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ.....	14
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	15
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	15
CHƯƠNG II.....	16
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	16
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	16
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	16
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	17
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....	18
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	18
CHƯƠNG III.....	19
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	19
Điều 13. Nhà đầu tư.....	19
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	20
Điều 15. Điều kiện đối với Nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi.....	21
Điều 16. Sổ đăng ký Nhà đầu tư.....	21
Điều 17.....Giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp).....	23
Điều 18. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	29
Điều 19. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên Sổ Giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp).....	30
Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại.....	30
Điều 21. Thừa kế Chứng chỉ quỹ.....	31
Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	31
CHƯƠNG IV.....	32
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	32
Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư.....	32
Điều 24. Đại hội Nhà đầu tư bất thường.....	32
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư.....	33
Điều 26. Phán quyết của Đại hội Nhà đầu tư.....	35
CHƯƠNG V.....	36

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	36
Điều 27. Ban đại diện Quỹ	36
Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	37
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	37
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ	38
Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.....	38
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ ..	38
Điều 33. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	39
Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ.....	39
Điều 35. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ.....	40
CHƯƠNG VI.....	40
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	40
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ.....	40
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	40
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ.....	43
Điều 39. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ	44
CHƯƠNG VII	45
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	45
Điều 40. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	45
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	45
Điều 42. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát.....	46
Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát.....	47
CHƯƠNG VIII.....	48
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	48
Điều 44. Các hoạt động được ủy quyền	48
Điều 45. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	48
Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	48
Điều 47. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	50
Điều 48. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	50
CHƯƠNG IX.....	51
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG	51
Điều 49. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ.....	51
Điều 50. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ.....	51
Điều 51. Tổ chức tạo lập thị trường.....	53
CHƯƠNG X	53
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	53
Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối.....	53
Điều 53. Hoạt động của Đại lý phân phối.....	53

Điều 54. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ.....	54
Điều 55. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối	55
CHƯƠNG XI.....	56
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	56
Điều 56. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán.....	56
Điều 57. Năm tài chính.....	56
Điều 58. Chế độ kế toán.....	56
Điều 59. Báo cáo tài chính.....	56
Điều 60. Báo cáo khác.....	56
CHƯƠNG XII	56
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	56
Điều 61. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	57
Điều 62. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	58
Điều 63. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng.....	59
Điều 64. Đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư.....	59
CHƯƠNG XIII.....	59
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	59
Điều 65. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát	59
Điều 66. Thu nhập của Quỹ	60
Điều 67. Chi phí hoạt động của Quỹ	61
Điều 68. Phân chia lợi tức của Quỹ.....	61
CHƯƠNG XIV.....	62
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ	62
Điều 69. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	62
Điều 70. Chia, tách Quỹ	62
Điều 71. Giải thể Quỹ	62
CHƯƠNG XV	64
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	64
Điều 72. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ.....	64
CHƯƠNG XVI.....	64
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	64
Điều 73. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư	64
Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	65
Điều 75. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành.....	65
PHỤ LỤC 1.....	67
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	67
PHỤ LỤC 2.....	69
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	69

PHỤ LỤC 3.....	70
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	70
PHỤ LỤC 4.....	71
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN.....	71

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025; và
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 do nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025; và
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025; và
- Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 /01/2026; và
- Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 102/2025/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/10/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2025; và
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2026; và
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư

nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 30/06/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/08/2021; và

- Thông tư 20/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 05/05/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/06/2025; và
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; và
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2025; và
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; và
- Thông tư 181/2015/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 13/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; và
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 05/09/2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019; và
- Thông tư số 88/2025/TT - BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam ban hành ngày 03/09/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2025; và
- Thông tư số 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 19/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2018; và
- Thông tư số 73/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/8/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2020; và
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “Quỹ” hoặc “ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND”** : Là Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ, được tổ chức và hoạt động theo Pháp luật. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- “Công ty quản lý quỹ”** : Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ được ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.
- “Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh” (HOSE)** : Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- “Thành viên lập quỹ”** : Là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND với Công ty quản lý quỹ.
- “Tổ chức tạo lập thị trường”** : Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường cho Quỹ.
- “Chỉ số tham chiếu” hoặc “Chỉ số VNDIVIDEND” (VNDIVIDEND)** : Là chỉ số “VNDIVIDEND” do HOSE xây dựng và quản lý, bao gồm các cổ phiếu thành phần trên HOSE có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt, đáp ứng đầy đủ các điều kiện sàng lọc và các tiêu chí theo quy định trong quy tắc chỉ số.
- Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
- “Chứng khoán cơ cấu”** : Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
- “Danh mục chứng khoán cơ cấu”** : Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công

ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô chứng chỉ quỹ.

“Ngân hàng giám sát”

: Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 41 Điều lệ này.

“Công ty kiểm toán”

: Là một Công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, chấp thuận theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.

“Điều lệ” hoặc “Điều lệ Quỹ”

: Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp lệ tại từng thời điểm (nếu có).

“Bản cáo bạch”

: Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành, mua lại và lưu hành Chứng chỉ quỹ.

“Hợp đồng giám sát”

: Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

“Nhà đầu tư”

: Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, có sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.

“Đại hội Nhà đầu tư”

: Là Đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và tại Điều lệ này. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Ban đại diện Quỹ”

: Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.

“Người có liên quan”

: Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

“Vốn điều lệ”

: Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi tại Điều 4 Điều lệ này.

- “Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND”** hoặc **“Chứng chỉ quỹ”** : Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND. Mệnh giá một (01) Chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) Đồng Việt Nam.
- “Lô chứng chỉ quỹ”** : Là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế Hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Một Lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ hoặc một số lượng Chứng chỉ quỹ khác được Công ty quản lý quỹ điều chỉnh tùy từng thời điểm nhưng vẫn phải đảm bảo một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ.
- “Giá phát hành lần đầu”** : Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư để thu lại Danh mục chứng khoán cơ cấu.
- Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một Lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm Giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
- “Giá giao dịch hoán đổi”** : Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và ngược lại.
- Giá giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một Lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là **“Giá phát hành”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng với Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- Giá giao dịch hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là **“Giá mua lại”**) bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi trừ đi Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- “Giá trị giao dịch”** : Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một Lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng Lô chứng chỉ quỹ được phân phối.
- Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi, bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng Lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.
- “Giá dịch vụ phát hành”** : Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch Hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

“Giá dịch vụ mua lại”	: Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”	: Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đã được quy định tại Điều lệ này.
“Lợi tức quỹ”	: Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	: Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ; và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ và/hoặc Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Hoán đổi danh mục”	: Là việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán đổi danh mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch.
“Giá trị tài sản ròng” hoặc “NAV”	: Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại trước Ngày định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.
“Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ”	: Bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ” hoặc “iNAV”	: Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND, được xác định trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi HOSE. iNAV là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch.
“Năm tài chính”	: Được quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	: Là thời điểm cuối cùng mà thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư, được quy định chi tiết tại Điều 17.3 Điều lệ này.
“Ngày định giá”	: Là một Ngày làm việc mà tại ngày đó Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá.

- “Ngày giao dịch hoán đổi”** : Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
- “Thời điểm đóng sổ lệnh”** : Là thời điểm cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận Lệnh giao dịch hoán đổi để thực hiện vào Ngày giao dịch hoán đổi tương ứng.
- Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ của Quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của HOSE.
- “Điểm nhận lệnh”** : Là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Đại lý phân phối hoặc Thành viên lập quỹ được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư.
- “Ngày làm việc”** : Là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của Pháp luật) mà tại ngày đó thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
- “Sổ tay định giá”** : Là tài liệu do Công ty quản lý quỹ lập ra được Ban đại diện Quỹ phê duyệt nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định Pháp luật.
- “VNĐ” hoặc “Đồng Việt Nam” hoặc “đồng”** : Là đồng tiền pháp định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- “UBCKNN”** : Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
- “VSDC”** : Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
- Các định nghĩa khác** : Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : **VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF**
- Tên viết tắt : **VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF**

Địa chỉ liên hệ : Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3823 9909

Fax : (84-28) 3824 6329

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được hoạt động kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi bị chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- 3.1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên HOSE; hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định của Điều lệ này.
- 3.2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán đổi danh mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- 3.3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- 3.4. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để: (i) giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát; và (ii) thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định pháp luật.
- 3.5. Công ty quản lý quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
- 3.6. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô chứng chỉ quỹ chào bán lần đầu

- 4.1. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng là số vốn thực tế huy động hợp lệ trong đợt chào bán Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ; số vốn này tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia cho mệnh giá của một Chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười nghìn) Đồng Việt Nam để được số Chứng chỉ quỹ tương ứng.



- 4.2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ.
- 4.3. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập quỹ bằng việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ do Quỹ phát hành. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện trong một số trường hợp theo quy định tại khoản 4.4 Điều này. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các Lô chứng chỉ quỹ phân phối cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
- 4.4. Ngoài việc Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có thể tham gia góp vốn thành lập Quỹ bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau đây:
 - 4.4.1. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành của Lô chứng chỉ quỹ;
 - 4.4.2. Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, các chứng khoán đó thuộc Danh mục chứng khoán cơ cấu mà khi Thành viên lập Quỹ, Nhà đầu tư mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ;
 - 4.4.3. Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn;
 - 4.4.4. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền theo quy trình quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 4.5. Quỹ không bị giới hạn số lượng Chứng chỉ quỹ tối đa được phép phát hành hay lưu hành, trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.
- 4.6. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 4.7. Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Danh mục chứng khoán cơ cấu này sẽ được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
- 4.8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ

Quỹ chỉ định Công ty quản lý quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ quỹ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ là đại diện pháp luật của Quỹ chào bán Chứng

chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Tên Công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Viet Capital Asset Management JSC
- Tên viết tắt : VCAM

Giấy phép hoạt động số : Giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-28) 3823 9909

Fax : (84-28) 3824 6329

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Tên Ngân hàng giám sát

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch

Giấy phép hoạt động số : Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số: 106/QĐ - UBCK do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 05 năm 2003.

Địa chỉ trụ sở chính : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-28) 3821 8812

Fax : (84-28) 3914 4714

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu trước khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNDIVIDEND do HOSE xây dựng và quản lý.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng của quỹ so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của pháp luật như được quy định cụ thể tại Điều 9.1.1 của Điều lệ này.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1. Chiến lược đầu tư

9.1.1. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ so với Chỉ số tham chiếu của Quỹ không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định pháp luật, trong đó mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu được xác định theo quy định tại Phụ lục số XIX của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định liên quan của HOSE (có thể được thay đổi và điều chỉnh tùy từng thời điểm).

9.1.2. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.

9.1.3. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công ty quản lý quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành.

9.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào tất cả các ngành, nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của quỹ.

9.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

9.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu) và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.

9.3.2. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - đ) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
- 9.3.3. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

10.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- 10.1.1. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 10.1.2. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- 10.1.3. Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b và d Điều 9.3.2 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- 10.1.4. Không được đầu tư vào Chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND;
- 10.1.5. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- 10.1.6. Không được đầu tư vào bất động sản;
- 10.1.7. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
- 10.1.8. Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

- 10.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10.1.1, Điều 10.1.2, Điều 10.1.3 và Điều 10.1.5 Điều lệ này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- 10.2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - 10.2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - 10.2.3. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - 10.2.4. Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - 10.2.5. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - 10.2.6. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá ba (03) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh.
- 10.3. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điều 10.2.1, Điều 10.2.2, Điều 10.2.3 và Điều 10.2.6 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Điều 10.1 Điều lệ này.
- 10.4. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 10.5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

- 11.1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 11.2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 11.3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, giao dịch cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 12.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tiền gửi ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp

với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.

12.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và công cụ nợ của Chính phủ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.

12.3. Phương pháp lựa chọn đối với cổ phiếu niêm yết: Quỹ đầu tư vào các Chứng khoán cơ cấu cầu thành Chỉ số tham chiếu. Danh mục Chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu). Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ số tham chiếu.

12.4. Phương pháp lựa chọn đối với các tài sản đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

- 13.1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
- 13.2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối. Văn bản thông báo phải được ký hợp lệ bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức đó.
- 13.3. Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý với mức giá giao dịch áp dụng tương tự như đối với các Nhà đầu tư khác.
- 13.4. Công ty quản lý quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ của Nhà đầu tư và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà đầu tư.
- 13.5. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
- 13.6. Cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua Chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn, mua Chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

14.1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:

- 14.1.1. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ sở hữu;
- 14.1.2. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- 14.1.3. Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này;
- 14.1.4. Được chuyển nhượng hoặc bán Chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- 14.1.5. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- 14.1.6. Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- 14.1.7. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- 14.1.8. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

14.2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ như sau:

- 14.2.1. Chấp hành, tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- 14.2.2. Thanh toán đầy đủ tiền mua số Chứng chỉ quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua trong thời hạn quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
- 14.2.3. Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà đầu tư theo quy định; và
- 14.2.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

14.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 14.3.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- 14.3.2. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - b) Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

14.3.3. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên

quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;

14.3.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

14.3.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

14.4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

14.5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 14.3 và Điều 14.4 Điều lệ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 14.3.2 Điều lệ này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện đối với Nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi

15.1. Nhà đầu tư sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.

15.2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu.

15.3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục thông qua Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

16.1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng lập, quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sau đây gọi là "**Sổ chính**") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sau đây gọi là "**Sổ phụ**") và xác nhận quyền sở hữu Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

16.2. Sổ chính, Sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:

16.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;

16.2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ quỹ đã bán và tổng

vốn huy động được cho Quỹ;

16.2.3. Danh sách Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, bao gồm:

- a) Thông tin Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư:
 - i. Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; Số định danh cá nhân hoặc hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc; Số điện thoại liên lạc; Địa chỉ email (nếu có);
 - ii. Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch; Địa chỉ trụ sở chính; Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; Họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- b) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); Số tài khoản Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- c) Số lượng Chứng chỉ quỹ/Lô chứng chỉ quỹ sở hữu; Tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ;
- d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.

16.3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư theo quy định, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

16.4. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.

16.5. Số lượng các Lô chứng chỉ quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSDC theo hướng dẫn của VSDC.

16.6. Nếu có thay đổi thông tin Nhà đầu tư trong sổ đăng ký Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thông báo kịp thời thông tin mới bằng văn bản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để cập nhật vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Việc thay đổi thông tin của Nhà đầu tư chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nhận được thông báo thay đổi thông tin mới này. Trong mọi trường hợp, Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào từ việc không nhận được thông báo thay đổi thông tin của Nhà đầu tư.

Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

17.1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quỹ được niêm yết, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức thực hiện giao dịch Hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch hoán đổi phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

17.2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

17.2.1. Ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày làm việc. Trong trường hợp: Ngày giao dịch hoán đổi không phải là Ngày làm việc; hoặc Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán và/hoặc VSDC không thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch vào ngày đó thì Ngày giao dịch hoán đổi sẽ là Ngày làm việc kế tiếp;

17.2.2. Việc thay đổi Ngày giao dịch hoán đổi sẽ được thông báo trước cho các Điểm nhận lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và HOSE, Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày giao dịch hoán đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Điều lệ này và của pháp luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

17.3. Thời điểm đóng sổ lệnh:

Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (Ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối nhận phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư.

17.4. Việc Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại áp dụng cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

17.4.1. Chỉ Thành viên lập quỹ tham gia giao dịch hoán đổi trực tiếp với Công ty quản lý quỹ;

17.4.2. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

17.4.3. Đơn vị giao dịch hoán đổi tối thiểu là một Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một Lô chứng chỉ quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm ngàn (100.000) Chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ được điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một Lô chứng chỉ quỹ. Thời điểm áp dụng Lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối;

17.4.4. Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi:

- a) Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi: Là các chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;

- b) Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;
- c) Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - i. Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi nếu chứng khoán chỉ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T);
 - Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
 - ii. Đối với Nhà đầu tư: Các Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ thực hiện hoán đổi sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

17.4.5. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư sẽ được chuyển đến Thành viên lập quỹ (trường hợp Nhà đầu tư đặt Lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Đại lý phân phối thì Đại lý phân phối sẽ chuyển Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư cho Thành viên lập quỹ) và phải được Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Phiếu lệnh phải được Thành viên lập quỹ lưu trữ theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử; đồng thời phải bảo đảm:

- a) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư;
- b) Nhà đầu tư phải cung cấp cho Thành viên lập quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công ty quản lý quỹ quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập Quỹ và Bản cáo bạch.

17.4.6. Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Được Thành viên lập quỹ chuyển tới VSDC trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch;
- b) Được Công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSDC xác nhận Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có đầy đủ Danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số Lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, Ngân hàng giám sát xác nhận số tiền Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán Chứng chỉ quỹ, số lượng Chứng chỉ quỹ còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ ký với Công ty quản lý quỹ.

17.4.7. Giao dịch Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ tại VSDC. Việc chuyển khoản Danh mục chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của VSDC và Ngân hàng giám sát.

Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện Giao dịch Hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

17.5. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

17.5.1. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE thông tin về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có). Thông tin bao gồm các mã Chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi;

17.5.2. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ này và quy trình được hướng dẫn chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận Lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư do Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do nguyên nhân bất khả kháng thì Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ;

Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSDC;

17.5.3. Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối tự chịu trách nhiệm đối với Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

17.5.4. Sau khi tiếp nhận Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra thông qua VSDC, Ngân hàng giám sát khả năng thực hiện được lệnh của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 17.4.6 Điều lệ này, xác nhận và thực hiện Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo các quy định tại khoản này, quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và hướng dẫn của VSDC;

17.5.5. Trong thời hạn 01 (một) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSDC, Ngân hàng giám sát sẽ hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ

hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ tương ứng vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và ngược lại. Việc tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh từ giao dịch hoán đổi được quy định tại Điều 17.6 Điều lệ này và quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ và VSDC có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

Trong thời hạn 03 (ba) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại Điều 17.6 Điều lệ này theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

17.6. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, ngoại trừ các trường hợp sau:

17.6.1. Khi Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ, giá trị của Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Nhà đầu tư đó mà Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.

17.6.2. Khi hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ, Quỹ phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của Quỹ để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- 17.6.3. Trường hợp Danh mục chứng khoán cơ cấu có các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 17.6.4. Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- 17.7. Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của Nhà đầu tư đối với Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phù hợp với quy chế giao dịch của VSDC và HOSE.
- 17.8. Các trường hợp dẫn tới hạn chế khi sở hữu Chứng khoán cơ cấu:
- 17.8.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mà xảy ra các trường hợp sau:
- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá hạn mức tối đa được phép sở hữu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư (ngày T+1); hoặc
 - Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan; hoặc
 - Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- 17.8.2. Khi xảy ra trường hợp quy định tại Điều 17.8.1 Điều lệ này, VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư thực hiện như sau:
- Trường hợp là Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nước ngoài: Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;
 - Đối với các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thuộc quy định tại điểm (b) và (c) Điều 17.8.1 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán số chứng khoán

vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;

- c) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

17.8.3. Trường hợp các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

17.8.4. Trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng khoán cơ cấu này thì Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện như sau:

- a) Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này;
- b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có đủ số lượng cổ phiếu sẵn có và việc bán số lượng cổ phiếu này không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ thì có thể xem xét bán cổ phiếu và thanh toán ngay cho nhà đầu tư mà không cần đợi đến khi nhận được số lượng cổ tức nêu trên; đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
- c) Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này;

17.8.5. Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước;
- b) Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh;
- c) Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh

bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;

- d) Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Ngay khi phát sinh số lượng chứng khoán cần bán hộ, thì số chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công ty quản lý quỹ.

Điều 18. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ

18.1. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

18.1.1. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ số tham chiếu;

18.1.2. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết;

18.1.3. Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

18.1.4. Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;

18.1.5. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc Hoán đổi danh mục do xảy ra nguyên nhân bất khả kháng;

18.1.6. HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ số tham chiếu mà chưa có Chỉ số tham chiếu thay thế;

18.1.7. Công ty quản lý quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ số tham chiếu sang một Chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;

18.1.8. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi bổ sung (nếu có);

18.1.9. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

18.2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 18.1 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải nổi lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

18.3. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tạm ngưng giao dịch. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điều 18.1.1, Điều 18.1.2 và Điều 18.1.3 Điều lệ này, thời hạn tạm ngừng không quá ba (03) Ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

18.4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại Điều 18.3 Điều lệ này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt

động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường về việc giải thể Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 19. Giao dịch Chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)

- 19.1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết trên HOSE thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo nguyên tắc sau:
- 19.1.1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC;
 - 19.1.2. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi Chứng chỉ quỹ niêm yết;
 - 19.1.3. Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 19.2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (có đủ Chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:
- 19.2.1. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - 19.2.2. Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ Giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (Lô Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại

- 20.1. Giá phát hành: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một Lô chứng chỉ quỹ (bao gồm Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối Ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- Giá phát hành lần đầu: là 10.000 (mười nghìn) Đồng Việt Nam/Chứng chỉ quỹ.
- 20.2. Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- 20.3. Giá dịch vụ phát hành:
- 20.3.1. Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư mua các Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ;
 - 20.3.2. Giá dịch vụ phát hành được tính trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch;

- 20.3.3. Giá dịch vụ phát hành do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- 20.3.4. Giá dịch vụ phát hành lần đầu là 0% (không phần trăm) trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ.
- 20.4. Giá dịch vụ mua lại:
- 20.4.1. Được áp dụng khi Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu;
- 20.4.2. Giá dịch vụ mua lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch;
- 20.4.3. Giá dịch vụ mua lại do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% (không phẩy năm phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành viên lập quỹ) và 1% (một phần trăm) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà đầu tư).
- 20.5. Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối.
- 20.6. Việc điều chỉnh Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và các Thành viên lập quỹ.
- 20.7. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Điều 21. Thừa kế Chứng chỉ quỹ

- 21.1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như tặng cho, thừa kế Chứng chỉ quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.
- 21.2. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 21.3. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công ty quản lý quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà đầu tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

Giá trị Chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Trong trường hợp Giá trị tài sản ròng giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ Đồng Việt Nam, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục trong thời hạn ba (03) Ngày làm việc.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư

- 23.1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
- 23.2. Đại hội Nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
- 23.2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - 23.2.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ này; thay đổi mức phí hay giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - 23.2.3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
 - 23.2.4. Phương án phân phối lợi tức;
 - 23.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - 23.2.6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - 23.2.7. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
 - 23.2.8. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật chứng khoán và Điều lệ này.
- 23.3. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- 23.4. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Nếu có đề nghị của Ban đại diện Quỹ thì thời hạn tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính và phải thông báo cho UBCKNN. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 24. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

- 24.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau đây:
- 24.1.1. Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần

thiết vì quyền lợi của Quỹ;

- 24.1.2. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định Pháp luật.
- 24.2. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
- 24.3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo đúng quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Nếu Công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có quyền triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thay thế cho Công ty quản lý quỹ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

- 25.1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết (tương ứng với tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành).
- 25.2. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.1 Điều lệ này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- 25.3. Nhà đầu tư có thể tham gia và biểu quyết đại hội bằng một trong các hình thức sau:
- 25.3.1. Trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư; hoặc
- 25.3.2. Ủy quyền bằng văn bản (bao gồm cả văn bản ủy quyền được đính kèm theo thông báo gửi đến Công ty quản lý quỹ bằng thư điện tử hoặc thư bảo đảm hoặc fax, hoặc văn bản ủy quyền được Nhà đầu tư ký bằng chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật) cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về ủy quyền và người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền hợp lệ cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp; hoặc
- 25.3.3. Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định hiện hành.
- 25.4. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc các hình thức biểu quyết điện tử khác được quy định từng thời điểm, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này.
- 25.5. Đối với các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ), quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 25.6. Đối với nội dung thay đổi Công ty quản lý quỹ, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- 25.6.1. Tổng số phiếu biểu quyết thông qua không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết; và
- 25.6.2. Được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 25.7. Quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.5 và Điều 25.6 Điều lệ này.
- 25.8. Trường hợp Công ty quản lý quỹ lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, hoặc hình thức điện tử khác, Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm nguyên tắc gửi các ý kiến cần thông qua dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức hợp pháp nào khác tới tất cả Nhà đầu tư và lấy ý kiến của Nhà đầu tư phù hợp quy định pháp luật.
- 25.8.1. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - Tên Quỹ;
 - Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - Lựa chọn biểu quyết gồm: “Nhất trí”, “Không nhất trí” và “Không có ý kiến”.
 - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư tối thiểu mười (10) Ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
 - Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 25.8.2. Hình thức gửi lại phiếu lấy ý kiến của Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ:
- Nhà đầu tư gửi qua bưu điện, hoặc trực tiếp phiếu lấy ý kiến tới địa chỉ của Công ty quản lý quỹ. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi trong phong bì dán kín; hoặc
 - Nhà đầu tư gửi bằng thư điện tử từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sổ chính hoặc Sổ phụ (nếu có), đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư.
- 25.8.3. Phiếu lấy ý kiến được xem là hợp lệ nếu thỏa mãn các yếu tố sau:
- Phiếu lấy ý kiến do Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà đầu tư hoặc theo mẫu do

Công ty quản lý quỹ đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ;

- b) Phiếu lấy ý kiến không bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung;
- c) Phiếu lấy ý kiến được ký bởi Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ quỹ (nếu là Nhà đầu tư cá nhân); ký bởi người đại diện pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư và đóng dấu (nếu là Nhà đầu tư tổ chức). Chữ ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật của Nhà đầu tư được chấp nhận;
- d) Phiếu lấy ý kiến được gửi lại về cho Công ty quản lý quỹ đúng thời hạn lấy ý kiến như theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;
- đ) Đối với hình thức gửi bằng bưu điện hoặc gửi trực tiếp, phiếu lấy ý kiến được đựng trong phong bì dán kín, và không bị mở trước khi thực hiện kiểm phiếu. Đối với hình thức gửi bằng thư điện tử, phiếu lấy ý kiến được gửi từ địa chỉ email của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Sở chính hoặc Sở phụ (nếu có), đính kèm bản scan hoặc bản chụp phiếu lấy ý kiến có chữ ký (đối với Nhà đầu tư cá nhân); và chữ ký, dấu (đối với Nhà đầu tư tổ chức) của Nhà đầu tư;
- e) Đối với từng nội dung lấy ý kiến, Nhà đầu tư chỉ đánh dấu duy nhất một lựa chọn: “Nhất trí”, hoặc “Không nhất trí”, hoặc “Không có ý kiến”.

25.8.4. Không tham gia biểu quyết:

Các trường hợp sau đây được coi là Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết:

- a) Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư trong Sổ chính hoặc Sổ phụ (nếu có) nhưng bị hoàn trả về theo quy định của bưu điện do địa chỉ Nhà đầu tư đăng ký không chính xác, hoặc không có người nhận thư; hoặc phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến địa chỉ email đã đăng ký của Nhà đầu tư nhưng việc gửi này được báo không thành công trên hệ thống của Công ty quản lý quỹ;
- b) Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty quản lý quỹ theo đúng địa chỉ nhưng sau thời hạn lấy ý kiến;
- c) Phiếu lấy ý kiến không được Nhà đầu tư gửi về được xem như Nhà đầu tư không tham gia biểu quyết.

25.9. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà đầu tư, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

25.10. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư khác để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

26.1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Đại lý

phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- 26.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 26.1 Điều lệ này. Trong trường hợp này, mức Giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

- 27.1. Ban đại diện Quỹ bao gồm ba (03) thành viên, được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

27.1.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

27.1.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

27.1.3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

- 27.2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là Người có liên quan với Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

- 27.3. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

27.3.1. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

27.3.2. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

27.3.3. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

- 27.4. Trong trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ, hoặc có thành viên Ban đại diện Quỹ không còn

đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 27.2 và Điều 27.3 Điều lệ này, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 27.3 Điều lệ này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

- 27.5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban đại diện Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật.
- 27.6. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

- 28.1. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là ba (03) năm. Thành viên của Ban đại diện Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 28.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
- 28.2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự; và
- 28.2.2. Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư.
- 28.3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:
- 28.3.1. Thuộc trường hợp là tổ chức, cá nhân không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp; và
- 28.3.2. Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện Quỹ đại chúng và/hoặc Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
- 28.3.3. Theo các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

- 29.1. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
- 29.1.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
- 29.1.2. Xem xét, phê duyệt Sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá theo quy định tại Điều 61.3; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 Điều lệ này;
- 29.1.3. Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ);
- 29.1.4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua hoặc theo quy định tại Điều lệ này; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
- 29.1.5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định pháp luật;

29.1.6. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;

29.1.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

30.1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và theo quy định tại Điều lệ này.

30.2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

30.3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

31.1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

31.2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

31.2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;

31.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;

31.2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;

31.2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật có liên quan.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

32.1. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:

32.1.1. Không đủ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;

32.1.2. Có đơn từ chức và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

32.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nếu có một trong các trường hợp sau:

32.2.1. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;

32.2.2. Bị toà án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

32.2.3. Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

32.2.4. Chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của toà án, cơ quan có thẩm quyền;

32.2.5. Tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quỹ;

32.2.6. Không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

32.2.7. Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

32.3. Thành viên Ban đại diện Quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban đại diện Quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.

32.4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:

32.4.1. Số lượng thành viên bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ;

32.4.2. Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

32.4.3. Trừ trường hợp quy định tại Điều 32.4.1 và Điều 32.4.2 Điều lệ này, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 33. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

33.1. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.

33.2. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

34.1. Các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, dưới hình thức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

34.2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất năm (05) ngày.

34.3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp.

34.4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

34.5. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập dự họp thông

qua.

34.6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hỗ trợ về nhân sự, thiết bị kỹ thuật, soạn thảo tài liệu trong các cuộc họp Ban đại diện Quỹ.

Điều 35. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký biên bản họp và có đầy đủ nội dung thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 36.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- 36.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;
- 36.3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- 36.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

37.1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- 37.1.1. Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ và các quy định Pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
- 37.1.2. Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
- 37.1.3. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
 - a) Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - b) Trong trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và phải lưu trữ bản gốc của hợp đồng tiền gửi;
 - c) Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty quản lý quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty quản lý quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - d) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tại Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu

ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi;

- e) Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
- g) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

37.1.4. Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất;

37.1.5. Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

- a) Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
- b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà đầu tư;
- c) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ; có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.

37.1.6. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật;

37.1.7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

37.1.8. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- a) Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
- b) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ. Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập.

37.1.9. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

- a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
- b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
- c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty quản lý quỹ với các hoạt động quản lý Quỹ.

37.1.10. Đảm bảo rằng khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty quản lý quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty quản lý quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí hay giá dịch vụ quy định trong Điều lệ này;

37.1.11. Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật;

37.1.12. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay trong trường hợp sau:

- a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là trọng yếu theo quy định của Pháp luật;
- b) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ này;
- c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp được phép đầu tư vượt hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

37.1.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này.

37.2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

37.2.1. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

37.2.2. Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;

37.2.3. Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng

lực hành vi dân sự đầy đủ;

- 37.2.4. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- 37.2.5. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với Đại lý chuyển nhượng, hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành viên lập quỹ;
- 37.2.6. Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- 37.2.7. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- 37.2.8. Được yêu cầu Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, Đại lý phân phối cung cấp thông tin;
- 37.2.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ và theo quy định tại Điều lệ này .

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- 38.1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 38.1.1. Theo đề nghị Ban đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - 38.1.2. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - 38.1.3. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - 38.1.4. Công ty quản lý quỹ bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới thay thế đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - 38.1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 38.2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng đối với các trường hợp quy định tại Điều 38.1.1, Điều 38.1.2 và Điều 38.1.4 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 38.3. Trong trường hợp quy định tại Điều 38.1 Điều lệ này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế phải theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- 38.4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ:
 - 38.4.1. Trong trường hợp thay đổi Công ty quản lý quỹ theo Điều 38.1.1 Điều lệ này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí hay giá dịch vụ

đã được quy định tại Điều lệ này) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của Công ty quản lý quỹ.

38.4.2. Mức phí này sẽ bằng:

- a) 3% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động; hoặc
- b) 1,5% Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

Điều 39. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

39.1. Công ty quản lý quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), Chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

39.2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.

39.3. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

39.3.1. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ;

39.3.2. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ khác, công ty đầu tư chứng khoán và các khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

39.3.3. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ;

39.3.4. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

39.3.5. Không được đưa ra nhận định hoặc cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

39.4. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 40. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

- 40.1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán: là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, được quyền thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
- 40.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- 40.3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- 40.4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- 40.5. Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ
- 40.6. Ngân hàng giám sát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- 40.7. Ngân hàng giám sát phải đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

41.1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:

- 41.1.1. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư;
- 41.1.2. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- 41.1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định Pháp luật có liên quan và Điều lệ này;
- 41.1.4. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định pháp luật có liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này;
- 41.1.5. Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty quản lý quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty quản lý quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát;
- 41.1.6. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- 41.1.7. Giám sát hoặc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ này, đảm bảo việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- 41.1.8. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý

quỹ; Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, đồng thời có bản sao của văn bản từ chối đó gửi đến UBCKNN;

41.1.9. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;

41.1.10. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ này;

41.1.11. Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này;

41.1.12. Tuân thủ các quy định khác tại Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;

41.1.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

41.2. Quyền của Ngân hàng giám sát

41.2.1. Hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định pháp luật;

41.2.2. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;

41.2.3. Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng giám sát và pháp luật Việt Nam;

41.2.4. Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 42. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

42.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động Ngân hàng giám sát của Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.

42.2. Trách nhiệm của Ngân hàng giám sát trong hoạt động giám sát đầu tư của Công ty quản lý quỹ đối với tài sản của Quỹ:

42.2.1. Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.

42.2.2. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty quản lý quỹ và Người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty quản lý quỹ thực hiện các hoạt động xử lý, khắc

phục kịp thời các hậu quả phát sinh của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

- 42.2.3. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
- 42.2.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- 42.2.5. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Luật chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán và tại Điều lệ này;
- 42.2.6. Xác nhận các báo cáo về Giá trị tài sản ròng của Quỹ, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập.
- 42.3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
- 42.4. Khi Công ty quản lý quỹ có yêu cầu bằng văn bản, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 42.5. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.
- 42.6. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định pháp luật, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ này.
- 42.7. Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ và/hoặc Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm liên đới đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận dân sự giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

43.1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

43.1.1. Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư

cách pháp nhân;

43.1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;

43.1.3. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;

43.1.4. Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;

43.1.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

43.2. Trường hợp thay đổi Ngân hàng giám sát, Quỹ thông qua Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng giám sát thay thế. Ngân hàng giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng giám sát có xác nhận của Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ.

43.3. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 44. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền cho các tổ chức khác cung cấp đối với các dịch vụ liên quan dưới đây theo đúng quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan:

44.1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư;

44.2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng;

44.3. Các hoạt động khác (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

45.1. Tiêu chí chung:

45.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

45.1.2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

45.1.3. Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty quản lý quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

45.2. Tiêu chí kỹ thuật:

Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

46.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

46.1.1. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi ủy quyền đã giao, phù

hợp với các quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan; và

46.1.2. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền; được cấp phép hoạt động đăng ký hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của pháp luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho

bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại; và

46.1.3. Bên nhận ủy quyền chịu trách nhiệm đối với công việc mà mình thực hiện phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

46.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

46.2.1. Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- c) Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này;
- d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

46.2.2. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- a) Lập và quản lý Sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
- b) Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;
- c) Hỗ trợ Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
- d) Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- đ) Cung cấp cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

46.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

46.3.1. Bên nhận ủy quyền phải lưu trữ các chứng từ, sổ sách có liên quan trong thời hạn mà pháp luật quy định; và

46.3.2. Bên nhận ủy quyền phải xây dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động được ủy quyền một cách thuận tiện và hiệu quả; và

46.3.3. Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu liên quan đến các hoạt động được ủy quyền phải được bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan quản lý độc lập, tách biệt với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; và

46.3.4. Toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu liên quan đến các hoạt động ủy quyền phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động Đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam.

46.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ.

46.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 47. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

47.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.

47.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

47.3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên.

47.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.

47.5. Xây dựng quy trình, hệ thống để bảo đảm rằng tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.

47.6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

47.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

47.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

48.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- 48.1.1. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
- 48.1.2. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
- 48.1.3. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
- 48.1.4. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
- 48.1.5. Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
- 48.1.6. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
- 48.1.7. Quỹ bị giải thể;
- 48.1.8. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- 48.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty quản lý quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty quản lý quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà đầu tư.

CHƯƠNG IX

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 49. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

- 49.1. Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công ty quản lý quỹ.
- 49.2. Trong thời gian mười hai (12) tháng gần nhất trước thời điểm Công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ cho UBCKNN, thành viên lập quỹ phải duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- 49.3. Thành viên lập quỹ phải luôn đảm bảo được số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập Quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ.
- 49.4. Đáp ứng các điều kiện khác quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ.

Điều 50. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

- 50.1. Quyền của Thành viên lập quỹ:
- 50.1.1. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà đầu tư trong hoạt động Hoán đổi danh mục theo quy định tại của pháp luật hiện hành;
- 50.1.2. Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ, thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế Hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại;
- 50.1.3. Được vay Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ; hoặc vay các Lô chứng chỉ quỹ để hoán đổi lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay các Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSDC;
- 50.1.4. Được thực hiện các giao dịch Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đổi

ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch;

50.1.5. Được áp dụng mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại cho Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ.

50.2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:

50.2.1. Nhận Lệnh giao dịch hoán đổi (trực tiếp từ Nhà đầu tư hoặc gián tiếp thông qua Đại lý phân phối) và chuyển Lệnh giao dịch hoán đổi của từng Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ và VSDC một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy trình giao dịch hoán đổi được quy định tại Bản cáo bạch;

50.2.2. Không được tổng hợp, bù trừ Lệnh giao dịch hoán đổi của các Nhà đầu tư. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các Lệnh giao dịch hoán đổi của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch Chứng chỉ quỹ trên HOSE, Thành viên lập quỹ phải thực hiện Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư trước Lệnh giao dịch hoán đổi của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính Thành viên lập quỹ để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ, không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư;

50.2.3. Bảo đảm Nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch Hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật;

50.2.4. Quản lý tách biệt tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản của từng Nhà đầu tư, độc lập với tài sản của Thành viên lập quỹ. Không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà đầu tư.

50.2.5. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về Chứng chỉ quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

50.2.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, HOSE, VSDC, Ngân hàng giám sát và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

50.2.7. Vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do nào, Thành viên lập quỹ không được chuyển giao danh sách Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch Chứng chỉ quỹ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp báo cáo theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chuyển giao theo yêu cầu của tổ chức kiểm toán hoặc luật sư của Công ty quản lý quỹ khi có yêu cầu;

50.2.8. Cung cấp và cập nhật liên tục thông tin về giao dịch thứ cấp Chứng chỉ quỹ tại HOSE và các thông tin liên quan (bao gồm NAV, iNAV, Chỉ số tham chiếu) trên website của Thành viên lập quỹ;

50.2.9. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài Chính ban hành;

50.2.10. Thực hiện các hoạt động khác theo Hợp đồng lập quỹ xác lập với Công ty quản lý quỹ, Điều lệ này, Báo cáo bạch và theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm.

Điều 51. Tổ chức tạo lập thị trường

51.1. Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường. Trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng tạo lập thị trường, Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN bản sao hợp tạo lập thị trường.

51.2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng chỉ quỹ, có trách nhiệm mua, bán Chứng chỉ quỹ theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do các Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG X

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối

52.1. Đại lý phân phối là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.

52.2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật liên quan. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

52.3. Hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của Đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

52.4. Đại lý phân phối phải có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng chỉ quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 53. Hoạt động của Đại lý phân phối

Hoạt động của Đại lý phân phối bao gồm:

53.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.

- 53.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Thành viên lập quỹ và VSDC một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác; Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp lệnh được điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- 53.3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- 53.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ.
- 53.5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.
- 53.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 54. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ

- 54.1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
- 54.2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ, Bản cáo bạch, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ và Bản cáo bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác, cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- 54.3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 54.4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi

giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

54.5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

54.6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ.

Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

54.7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.

54.8. Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

54.9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ khi phân phối Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

54.10. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối.

Điều 55. Chấm dứt hoạt động của Đại lý phân phối

55.1. Đại lý phân phối bị chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:

55.1.1. Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;

55.1.2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ;

55.1.3. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

55.2. Địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:

55.2.1. Theo quyết định của Đại lý phân phối;

55.2.2. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

55.2.3. Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XI

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 56. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

- 56.1. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định..
- 56.2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- 56.2.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
 - 56.2.2. Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - 56.2.3. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ;
 - 56.2.4. Không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 57. Năm tài chính

Một Năm tài chính có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 59. Báo cáo tài chính

- 59.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- 59.2. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
- 59.3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng giám sát, từng thành viên Ban đại diện Quỹ và các Nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ này.
- 59.4. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 60. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà đầu tư các báo cáo về hoạt động của Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- 60.1. Báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ;
- 60.2. Báo cáo thống kê giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ;
- 60.3. Báo cáo định kỳ hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XII

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 61. Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

61.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, trong đó:

61.1.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ;

61.1.2. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành;

61.1.3. Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ.

61.2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

61.2.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;

61.2.2. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

61.3. Sổ tay định giá và danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

61.4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ của Quỹ định kỳ vào các ngày làm việc từ thứ Hai tới thứ Sáu hàng tuần và vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

61.5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.

61.6. Các Giá trị tài sản ròng quy định tại khoản 61.4 và 61.5 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong Ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày giao dịch tiếp theo.

61.7. Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV) được Công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định iNAV trên cơ sở giá thị trường của Chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV

65.2. Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính theo công thức như sau:

- $\text{Giá dịch vụ lưu ký} = 0,05\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ lưu ký sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

65.3. Giá dịch vụ quản trị và giám sát

Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị và giám sát được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng mười (10) Ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- $\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = 0,03\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng.
- $\text{Giá dịch vụ giám sát quỹ} = 0,02\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$. Mức phí tối thiểu là năm triệu (5.000.000) Đồng Việt Nam/quỹ/tháng

Ghi chú: đối với giá dịch vụ lưu ký, quản trị và giám sát: Biểu phí/giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) cho từng loại nghiệp vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Trong trường hợp Quỹ hoạt động không tròn tháng do ngày ban hành Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ có hiệu lực không phải vào ngày dương lịch đầu tiên của tháng, công thức tính Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý Quỹ cho Công ty quản lý quỹ; giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng giám sát; giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại phí hay giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

Điều 66. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

66.1. Cổ tức;

66.2. Lãi tiền gửi;

66.3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và

66.4. Các khoản thu nhập khác.

Điều 67. Chi phí hoạt động của Quỹ

67.1. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ được chi trả hàng tháng cho Đại lý chuyển nhượng. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng.

67.2. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu:

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu tối đa là không phải không sáu mươi lăm phần trăm (0,065%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là một trăm chín mươi lăm triệu (195.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

67.3. Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV):

Giá dịch vụ tính toán iNAV là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

67.4. Chi phí/giá dịch vụ trả cho Thành viên lập quỹ.

67.5. Chi phí/giá dịch vụ kiểm toán trả cho Công ty kiểm toán.

67.6. Chi phí/giá dịch vụ trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.

67.7. Chi phí/giá dịch vụ dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.

67.8. Thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ.

67.9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ.

67.10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

67.11. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.

67.12. Các chi phí khác theo quy định pháp luật.

67.13. Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác.

Điều 68. Phân chia lợi tức của Quỹ

68.1. Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ quỹ tương ứng của Nhà đầu tư, đảm bảo nguyên tắc:

68.1.1. Lợi tức phân phối cho các Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp luật;

68.1.2. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- 68.1.3. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo: (i) có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn; và (ii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 (bằng chữ: năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam;
- 68.1.4. Trong trường hợp phân chia lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân chia căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- 68.2. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư theo mẫu mà pháp luật quy định.
- 68.3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- 68.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư và cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung đối với thông tin, báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ.

CHƯƠNG XIV

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 69. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- 69.1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- 69.2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp nhất, sáp nhập Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 70. Chia, tách Quỹ

- 70.1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận
- 70.2. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình chia, tách Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 71. Giải thể Quỹ

- 71.1. Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) không được:
- 71.1.1. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - 71.1.2. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - 71.1.3. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - 71.1.4. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - 71.1.5. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- 71.2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.

71.3. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm:

- 71.3.1. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;
 - 71.3.2. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể
 - 71.3.3. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- 71.4. Đại hội Nhà đầu tư chỉ định một công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- 71.5. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, Giá dịch vụ quản lý, Giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- 71.6. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.
- 71.7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư tại Quỹ. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- 71.7.1. Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - 71.7.2. Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - 71.7.3. Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.
- 71.8. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ quá nhỏ, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của HOSE hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- 71.9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có), Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- 71.10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định.
- 71.11. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu

giả mạo, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát (nếu có), các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 72. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

72.1. Công ty quản lý quỹ phải:

72.1.1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

72.1.2. Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của các Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ hay công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý.

72.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc/Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

72.3. Công ty quản lý quỹ phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 73. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

73.1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

73.1.1. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối;

73.1.2. Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

73.2. Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN các báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

73.2.1. Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ;

73.2.2. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của Quỹ;

73.2.3. Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý Quỹ;

73.2.4. Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của cá Quỹ.

73.3. Công ty quản lý quỹ phải công bố các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và các báo cáo định tại khoản 73.2 Điều này.

73.4. Các tài liệu quy định tại khoản 73.2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử.

73.5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

74.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm, số thứ tự của các chương hoặc điều thì không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

74.2. Trong mọi trường hợp, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được báo cáo cho UBCKNN theo quy định pháp luật.

74.3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 75. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

75.1. Điều lệ này gồm 16 Chương, 75 Điều và 04 Phụ lục, được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

75.2. Các Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Đại lý phân phối và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ quỹ được coi là đã thông qua, đồng ý thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này (bao gồm nội dung sửa đổi, bổ sung trước thời điểm đăng ký mua Chứng chỉ quỹ).

75.3. Điều lệ này được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó:

75.3.1. Hai (02) bản để đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định; và

75.3.2. Một (01) bản được lưu tại Công ty quản lý quỹ; và

75.3.3. Một (01) bản được lưu tại Ngân hàng giám sát.

75.4. Đính kèm cùng Điều lệ này là các Phụ lục sau:

75.4.1. Phụ lục 1: Cam kết của Công ty quản lý quỹ; và

75.4.2. Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát; và

75.4.3. Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;

75.4.4. Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



Họ và Tên: **Phạm Pho Hop**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí hay giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các Phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp mà pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

- CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**



PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỔ NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát theo quy định pháp luật để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những Người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỔ NGHĨA**



Họ và Tên:

Chức vụ:

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25/10/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0304524894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/09/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp.

Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ và các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**



Họ và tên: **Phạm Pho Hop**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM - CN NAM KỲ KHỞI NGHĨA**



Họ và tên:

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

Chức vụ:

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, tại ngày trước Ngày định giá
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động tăng hoặc giảm lớn hơn một phần trăm (1%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua bình quân gia quyền nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất, thì giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua bình quân gia quyền cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua, hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Giá trung bình dựa trên báo giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan cung cấp. - Trường hợp không đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		

14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua cho từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.



